Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **06**/2019/QĐST-DS.	*B, ngày 28 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2019, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2018/TLST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: Ngân hàng thương mại cổ phần

Trụ sở: đường N, phường , quận , thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Văn Đ – Nhân viên xử lý nợ.

Địa chỉ liên lạc: đường , phường A, quận N, thành phố C. (Giấy ủy quyền số 52/UQ-CTH.18 ngày 09/11/2018)

BỊ ĐƠN: Bà Lê Thị Cẩm G.

Địa chỉ: đường C, phường A, quận B, thành phố C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số nợ*: Bị đơn bà Lê Thị Cẩm G có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần tổng số nợ tạm tính đến ngày 18/01/2019 là 905.437.349đồng *(chín trăm lẻ năm triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn, ba trăm bốn mươi chín đồng)*

Trong đó bao gồm: nợ gốc 700.407.000 đồng *(bảy trăm triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn đồng)*, nợ lãi trong hạn 30.550.834 đồng *(ba mươi triệu năm trăm năm chục ngàn tám trăm ba mươi bốn đồng)*, nợ lãi quá hạn 174.479.515đồng *(một trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm mười lăm đồng)* và lãi phát sinh theo lãi suất hợp đồng tín dụng từ sau ngày 18/01/2019.

Trường hợp bà G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì sẽ thực hiện theo hợp đồng đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CTH.BĐCN.80.101115 và hợp đồng sửa chữa, bổ sung số CTH.BĐCN.80.101115 /SĐBS-01 ngày 08/03/2017 mà hai bên đã ký kết.

- *Về phương thức và thời gian thanh toán*: các bên tự thỏa thuận thống nhất như sau:

Ngày 28/02/2019 bà G phải trả cho Ngân hàng số tiền là 232.000.000đồng *(hai trăm ba mươi hai triệu đồng)*

Ngày 30/3/2019 bà G phải trả cho Ngân hàng số tiền là 132.000.000đồng *(một trăm ba mươi hai triệu đồng)*

Ngày 29/04/2019 bà G phải trả cho Ngân hàng số tiền là 132.000.000đồng *(một trăm ba mươi hai triệu đồng)*

Ngày 30/5/2019 bà G phải trả cho Ngân hàng số tiền là 132.000.000đồng *(một trăm ba mươi hai triệu đồng)*

Ngày 30/6/2019 bà G phải trả cho Ngân hàng số tiền là 132.000.000đồng *(một trăm ba mươi hai triệu đồng)*

Ngày 30/7/2019 bà G phải trả cho Ngân hàng số tiền là 132.000.000đồng *(một trăm ba mươi hai triệu đồng)* và tất cả các khoảng lãi phát sinh thêm theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết sau ngày 18/01/2019.

Trường hợp bà G không thực hiện thanh toán nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng sẽ yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự quận B, thành phố C phát mãi tài sản và giải quyết theo thẩm quyền.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm thi hành án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Lê Thị Cẩm G phải nộp 19.581.560đồng *(mười chín triệu năm trăm tám mươi một nghìn năm trăm sáu mươi đồng)*.

Ngân hàng thương mại cổ phần được nhận lại 19.371.000 đồng *(mười chín triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009023 ngày 26/3/2018 tại Chi cục Thi thành án dân sự quận B, thành phố C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND Q.B;
- Chi cục THADS Q.B;
- TAND TP C;
- Lưu (hs, Vp, Ltd);

THẨM PHÁN

Phạm Thị Ánh